

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận

Ngày 30/06/2025	3,490 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	-	-

DT thuần Q2/25
35.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.5 -46.4%
YoY: ▼138 -79.6%

LN thuần Q2/25
-293
tỷ VNĐ
QoQ: ▼291 -16177%
YoY: ▼305 -2604%

LN sau thuế Q2/25
-293
tỷ VNĐ
QoQ: ▼291 -17146%
YoY: ▼296 -8748%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-828%
YoY: +/- ▼ 826%

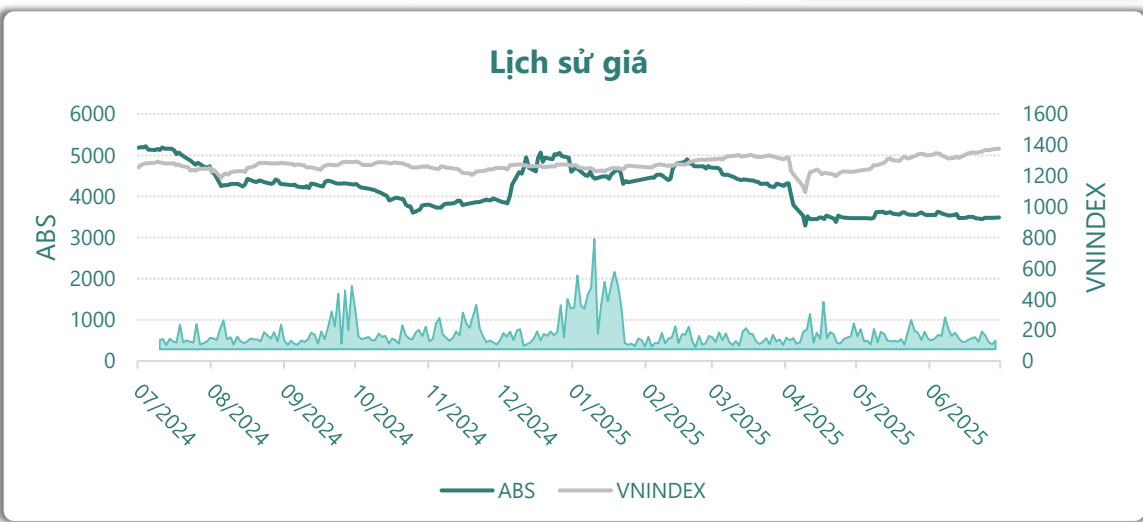
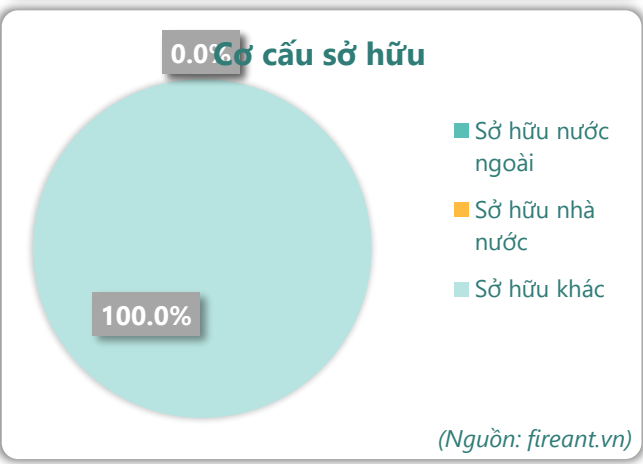
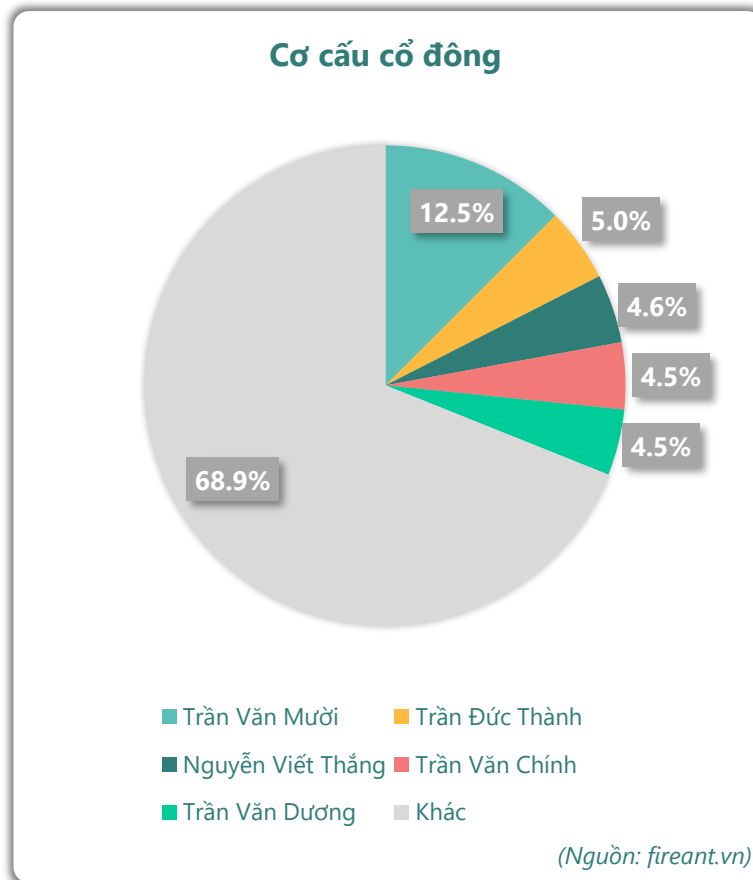
ROE (TTM) Q2/25
-38.8%
YoY: +/- ▼ 38.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,290 - 5,220
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	279
Số lượng CPLH (CP)	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	191,350
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.90
EPS	-3,740
P/E	-0.9

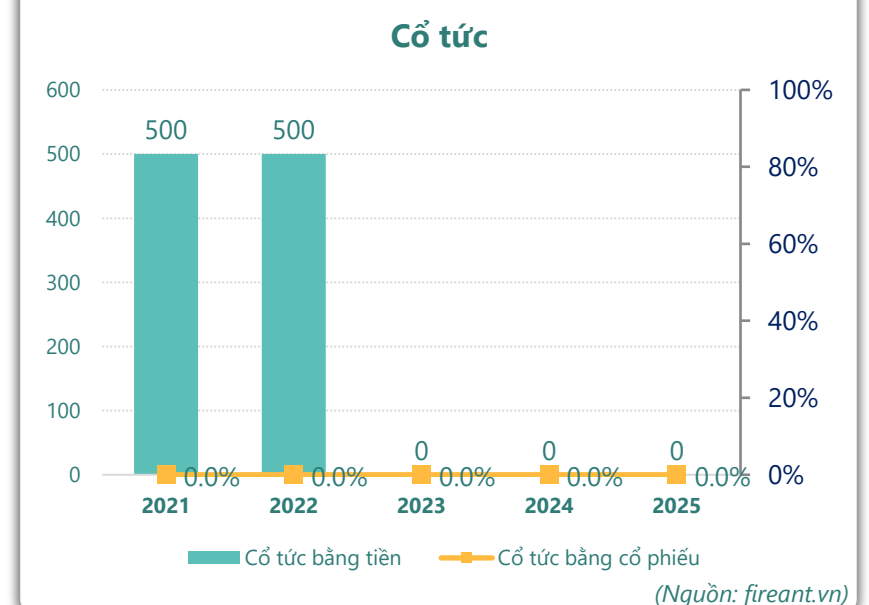
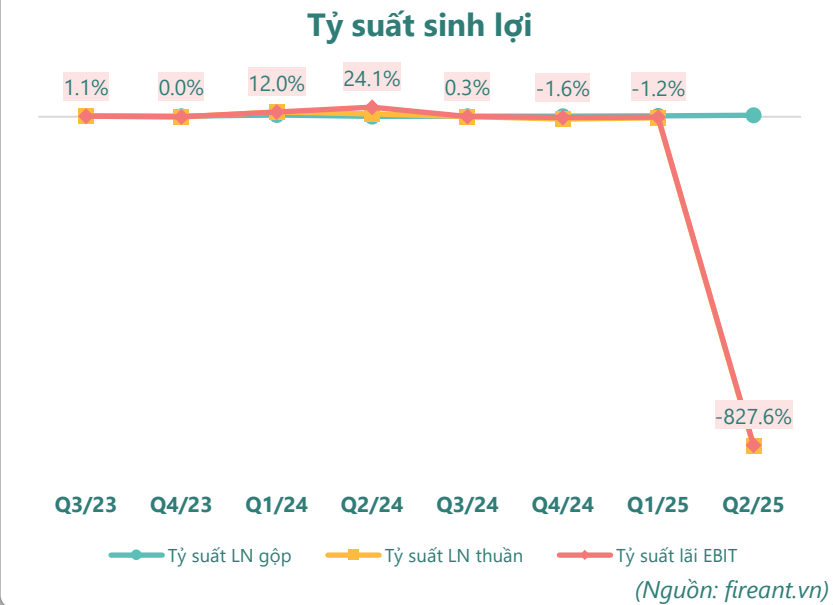
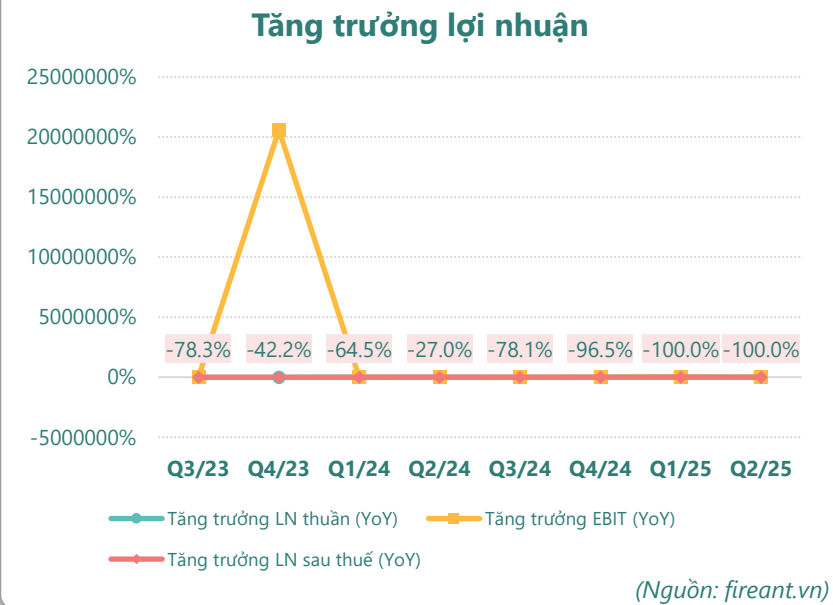
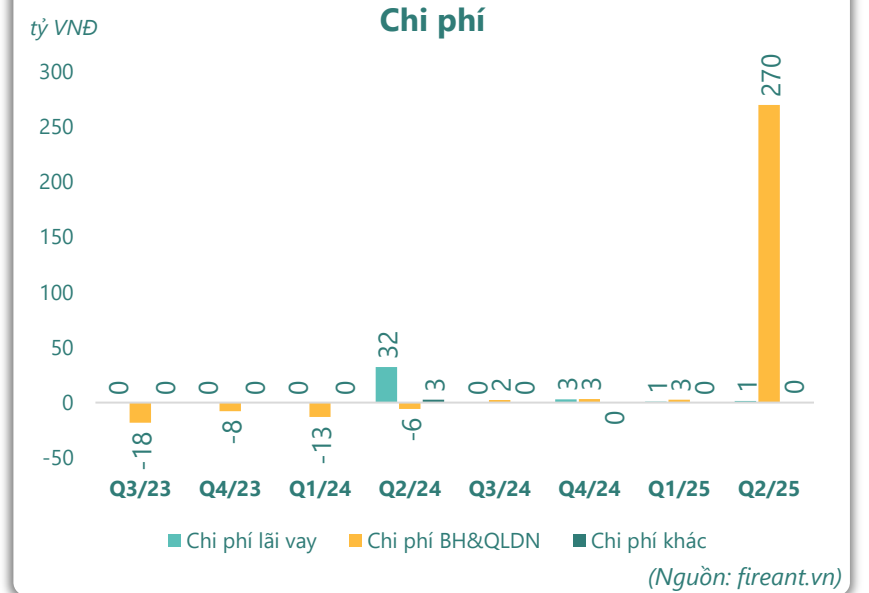
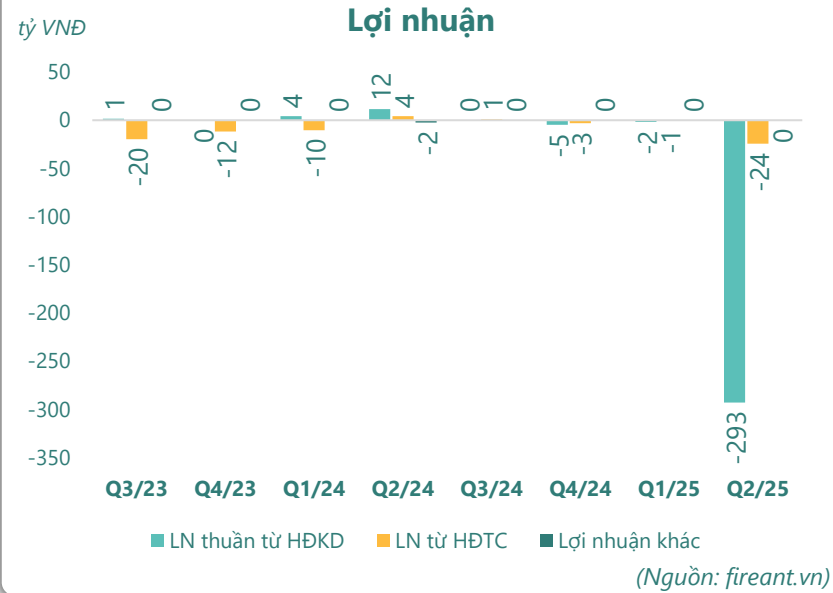
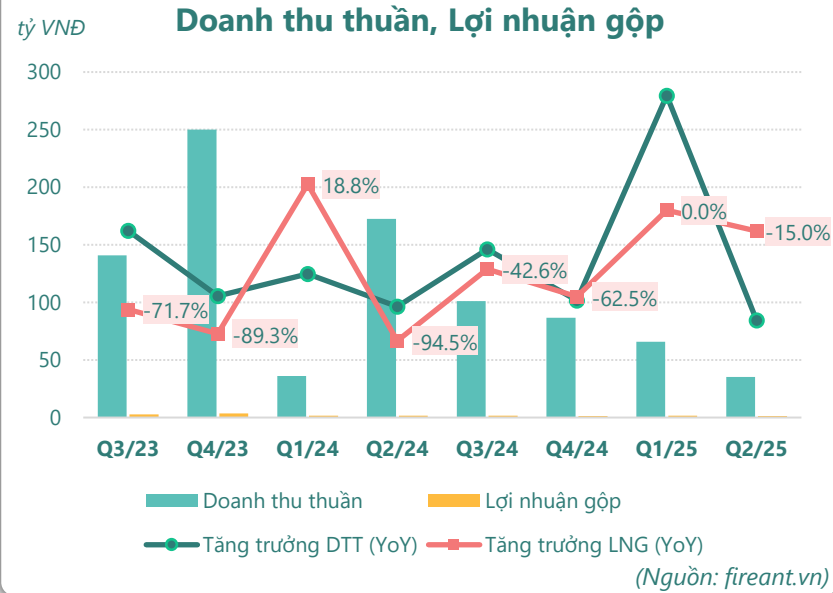
DT thuần 6T 2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▼108 -51.5%

LN thuần 6T 2025
-295
tỷ VNĐ
YoY: ▼311 -1940%

LN sau thuế 6T 2025
-295
tỷ VNĐ
YoY: ▼302 -4405%



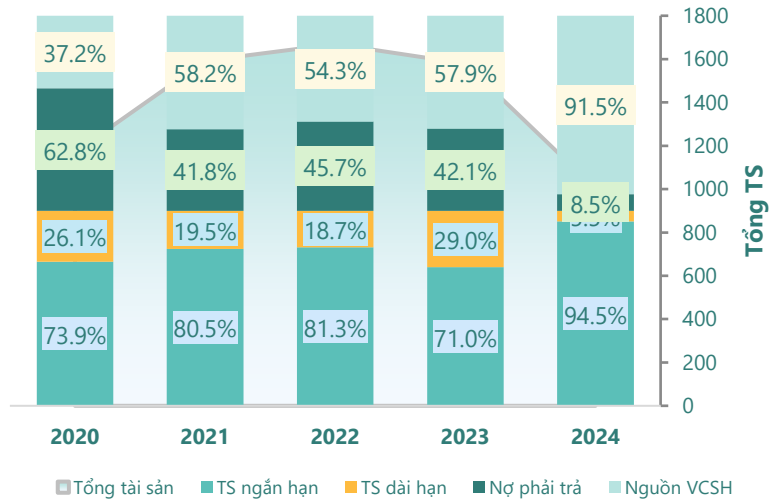
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

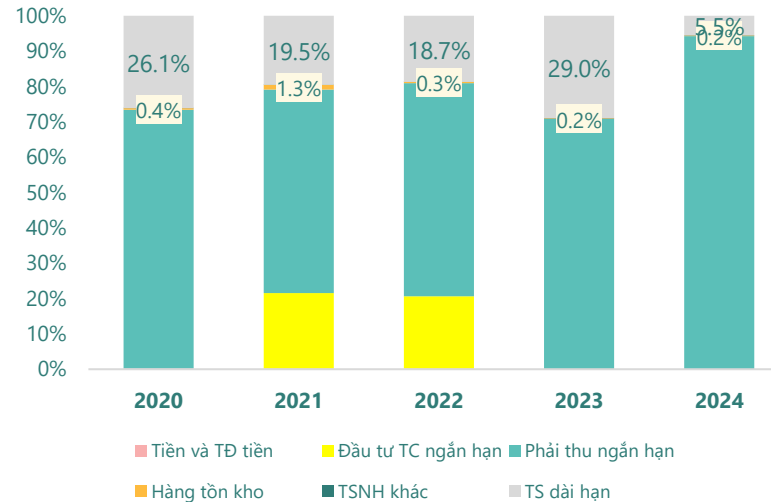
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

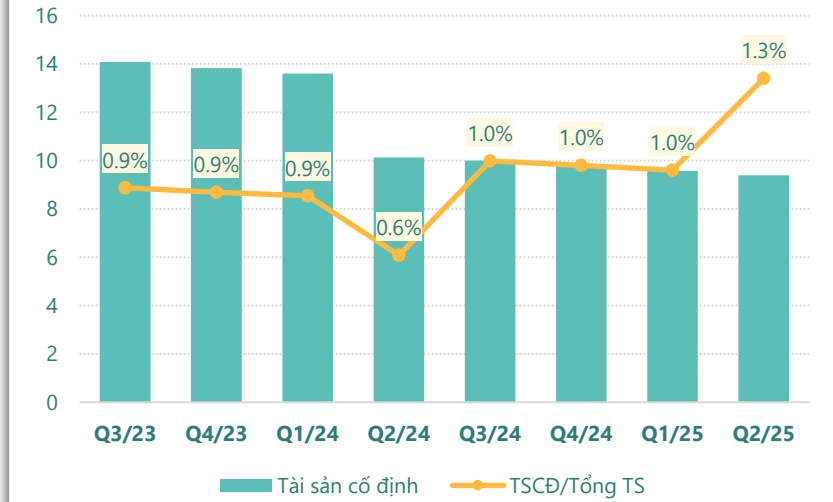
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

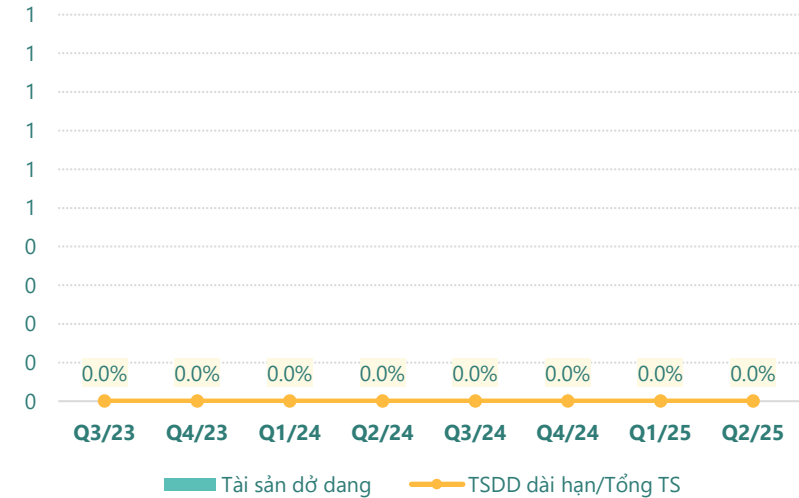
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

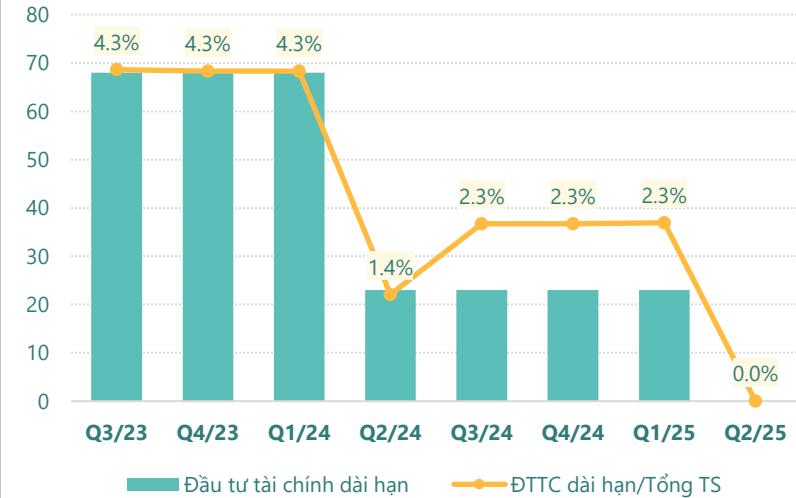
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

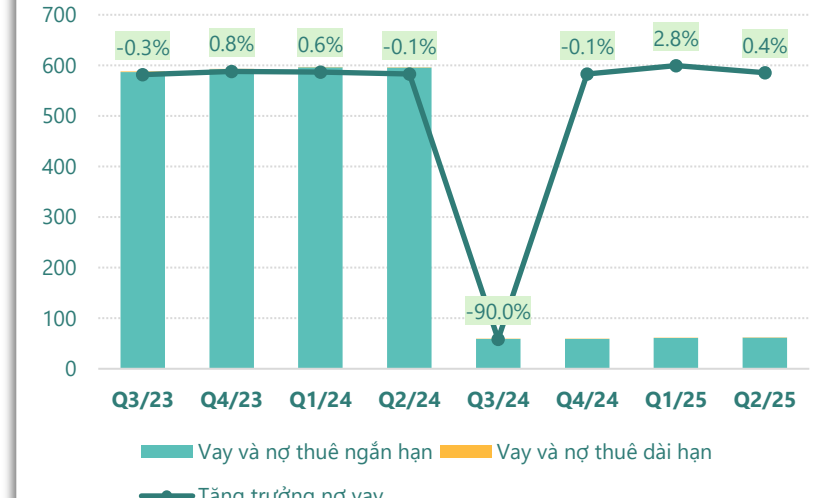
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

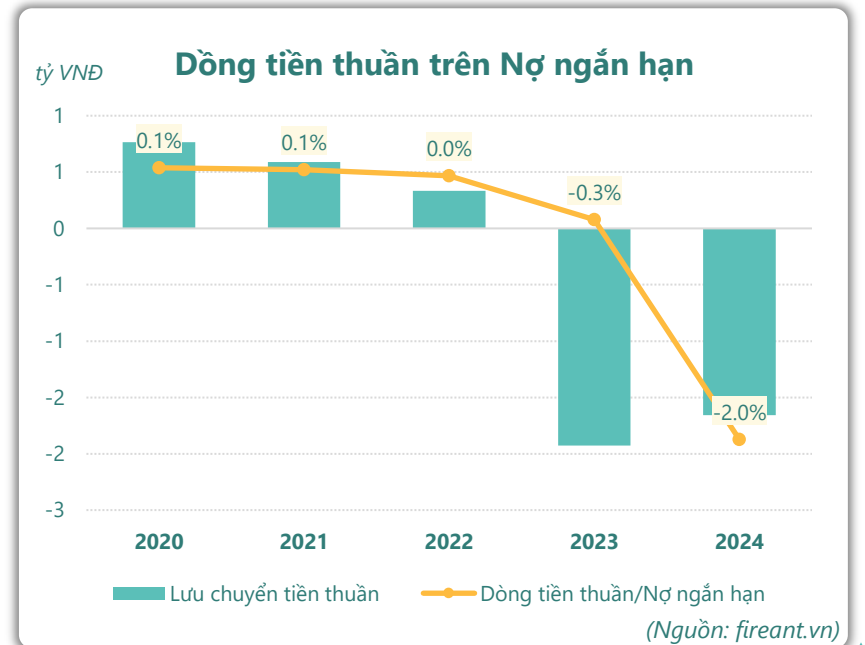
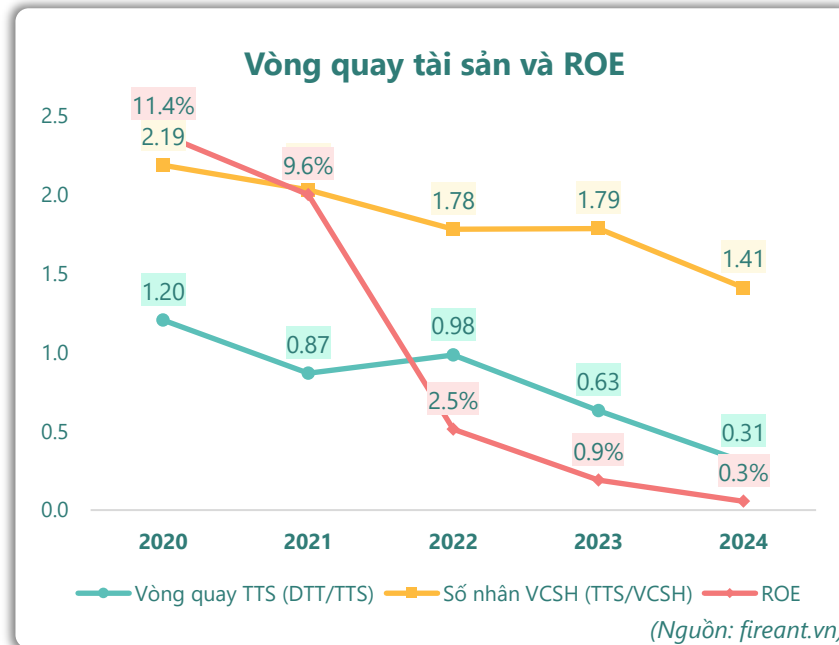
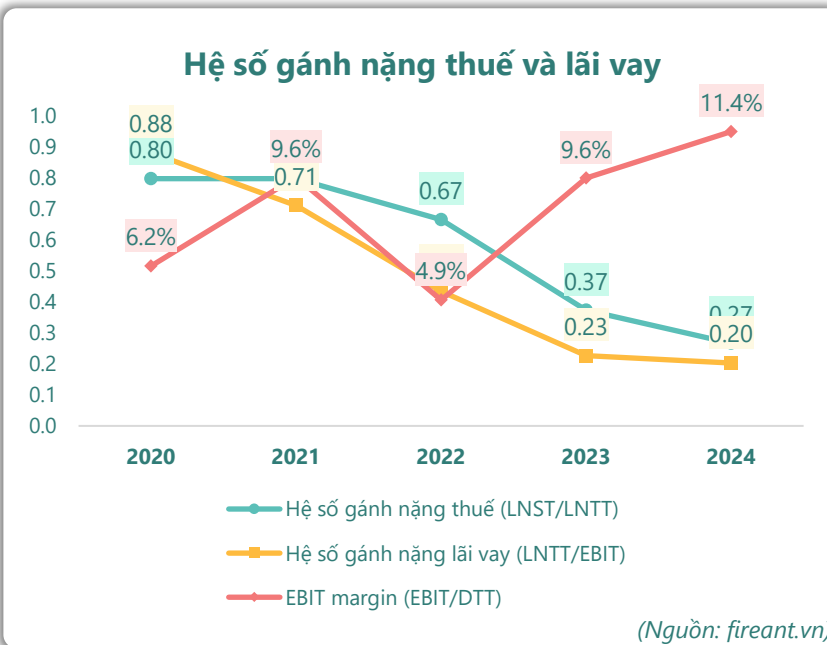
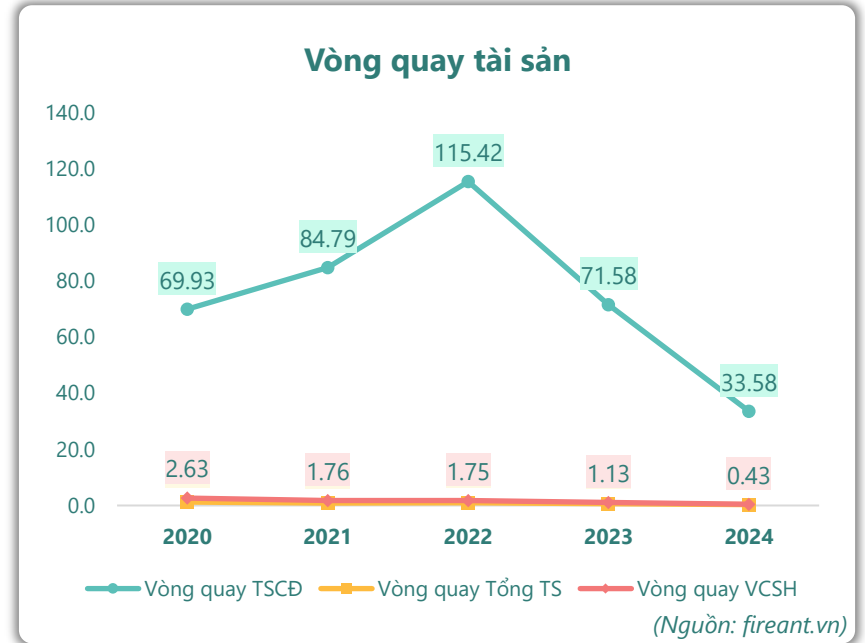
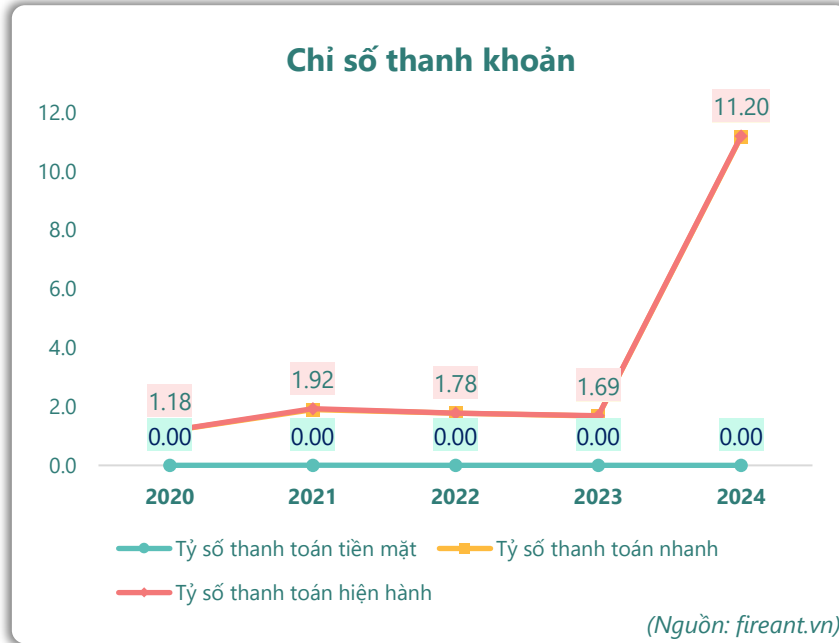
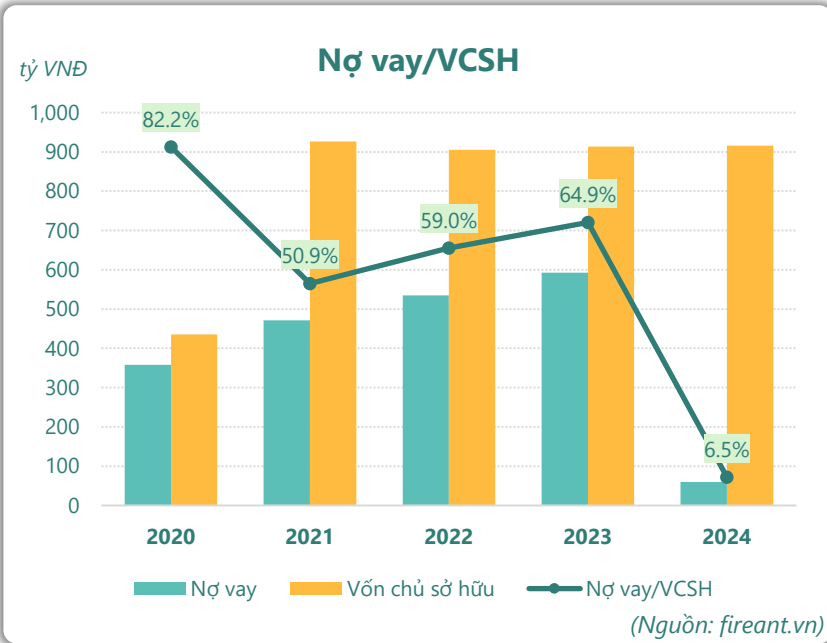
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	35.3	173	-79.6%	101	209	-51.5%
Giá vốn hàng bán	33.8	171	-80.3%	98.0	205	-52.2%
Lợi nhuận gộp	1.49	1.76	-15.3%	3.09	3.35	-7.9%
Doanh thu HĐTC	0.10	21.1	-99.5%	0.11	26.2	-99.6%
Chi phí TC	24.4	16.9	44.4%	25.3	32.3	-21.8%
Chi phí lãi vay	1.40	32.3	-95.7%	2.29	32.3	-92.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.38	1.27	9.0%	2.82	2.44	15.8%
Chi phí QLDN	269	-7.07	3902%	270	-21.2	1371%
LN thuần từ HĐKD	-293	11.7	-2604%	-295	16.0	-1940%
Lợi nhuận khác	-0.19	-2.37	91.8%	-0.09	-2.37	96.1%
LN trước thuế	-293	9.33	-3242%	-295	13.7	-2260%
Lợi nhuận sau thuế	-293	3.39	-8748%	-295	6.85	-4405%
LNST của CĐ cty mẹ	-293	3.39	-8748%	-295	6.85	-4405%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.83	21.0	516	-0.43	-1.74	-0.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.05	0.07	0.04	0.07	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.66	-0.52	-536	-0.06	1.65	0.23
Tiền đầu kỳ	1.78	1.06	21.1	0.57	0.12	0.10
Lưu chuyển tiền thuần	-1.17	20.5	-20.5	-0.45	-0.02	0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.61	21.5	0.57	0.12	0.10	0.14

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	701	1,002	-30.0%
Tài sản ngắn hạn	687	946	-27.4%
Tiền và tương đương tiền	0.14	0.12	17.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	686	944	-27.3%
Hàng tồn kho	1.13	1.87	-39.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.25	-33.1%
Tài sản dài hạn	13.5	55.2	-75.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.40	9.76	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	18.5	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	23.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	4.15	3.99	4.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	79.5	85.2	-6.7%
Nợ ngắn hạn	78.9	84.5	-6.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.2	59.2	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.74	2.82	32.7%
Nợ dài hạn	0.58	0.70	-17.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.28	0.40	-30.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	622	916	-32.2%
Vốn chủ sở hữu	622	916	-32.2%
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

